TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-PT
Ngày: 08/01/2025
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Bà **Đặng Thị Ánh Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Vân Khanh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08/01/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/KDTM-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2024/QĐ-PT ngày 29/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP X**

Trụ sở: Tầng H, văn phòng số L+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Hà P** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Văn P1** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh T3 (theo giấy ủy quyền số: 228/2024/EIB/UQ-CTHĐQT ngày 12/4/2024)

Ông P1 ủy quyền lại cho: Ông **Phạm Hoàng Tấn T** - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng chi nhánh T3; địa chỉ liên lạc: Số E, đường T, phường C, quận N, Thành phố Cần Thơ (theo giấy ủy quyền số 302/2024/EIBTĐO/UQ-GĐ ngày 01/8/2024).

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần T4**

Trụ sở: Số F, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn D** - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền là chị **Lê Thị Như Q**, sinh năm 2000; Địa chỉ: 2 khu B, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Cổ phần T5

Trụ sở: Số D, đường N, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Thanh M** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1964; địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 29/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X do người đại diện theo ủy quyền ông Mai Văn P1 trình bày:*

- Hợp đồng tín dụng:

Ngày 06/3/2023, Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng với Công ty T4 theo Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500, hạn mức cấp tín dụng tổng số tiền là 44.500.000.000đồng (bốn mươi bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân và Công ty T4 đã ký nhận nợ theo 09 Khế ước nhận nợ, thỏa thuận lãi suất vay tại các khế ước nhận nợ với lãi suất vay trong hạn 10%/năm; lãi suất vay quá hạn 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm, cụ thể:

1. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002411, ngày 04/10/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân là 3.150.730.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 04/10/2023 đến 04/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 04/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

2. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002408, ngày 04/10/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân là 3.256.103.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 04/10/2023 đến 04/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 04/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

3. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002425, ngày 06/10/2023; cụ thể: Số tiền giải ngân là 1.773.034.600đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 06/10/2023 đến 06/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 06/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

4. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002435 ngày 06/10/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân là 6.133.120.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 06/10/2023 đến 06/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 06/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

5. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002451, ngày 09/10/2023. Số tiền giải ngân là 5.744.820.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 09/10/2023 đến 09/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 09/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

6. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002468, ngày 10/10/2023. Số tiền giải ngân là 5.485.000.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 10/10/2023 đến 10/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 10/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

7. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002492, ngày 12/10/2023. Số tiền giải ngân là 4.318.680.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 12/10/2023 đến 12/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 12/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

8. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002505, ngày 13/10/2023. Số tiền giải ngân là 12.672.440.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 13/10/2023 đến 13/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 13/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

9. Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002616 ngày 26/10/2023. Số tiền giải ngân là 2.238.925.000đồng; thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 26/10/2023 đến 26/01/2024; thời hạn trả nợ gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay là ngày 26/01/2024; thời hạn trả nợ lãi: Trả hàng tháng vào ngày 04;

Trong quá trình vay, Công ty T4 đã trả cho Ngân hàng đối với khoản nợ tại các khế ước nhận nợ, cụ thể: Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002411, ngày 04/10/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân là 3.150.730.000đồng; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002408, ngày 04/10/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân là 3.256.103.000đồng; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002425, ngày 06/10/2023; cụ thể: Số tiền giải ngân là 1.773.034.600đồng; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002435 ngày 06/10/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân là 6.133.120.000đồng; Khế ước nhận nợ số 1500-LDS-230002451, ngày 09/10/2023. Số tiền giải ngân là 5.744.820.000đồng và một phần của Khế ước nhận nợ số 1500-LDS-230002468, ngày 10/10/2023;

Ngoài ra, giữa Công ty T4 và Ngân hàng ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng (lần 1) ngày 21/12/2023 (nội dung sửa đổi bổ sung tại Điều 01 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023), thay đổi Hạn mức cấp tín dụng tổng số tiền là 30.500.000.000đồng (Ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng) và tài sản bảo đảm.

Công ty T4 thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc: 14.312.997.600đồng, nợ lãi: 460.540.575 đồng. Công ty T4 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 09/01/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần mời Công ty T4 đến làm việc, yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty T4 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện: Yêu cầu Công ty T4 trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 26/02/2024 tổng số tiền là 23.574.488.107đồng (trong đó, nợ gốc là 22.720.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 305.512.260 đồng, lãi quá hạn: 545.226.359 đồng, lãi chậm trả 3.749.488 đồng) và phải chịu lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 27/02/2024 cho đến khi Công ty T4 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng (lần 1) ngày 21/12/2023 và khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp, Công ty T4 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp: Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 26, diện tích 5885,58m^2, đất tọa lạc tại Quốc lộ A, Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và Cửa hàng xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa đất số 1, tờ bản đồ số 320, diện tích 3128,0m^2, đất tọa lạc tại ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau do Công ty Cổ phần T4 đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Nếu sau khi phát mãi các tài sản thế chấp vẫn không đủ để thanh toán nợ, thì Công ty T4 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

- Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo hợp đồng tín dụng:

Để đảm bảo khoản vay, Công ty T4 có ký kết Ngân hàng thế chấp các tài sản sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 15/2023/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 03/3/2023, công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu, số công chứng: 380, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, quyển số 02/2023, số thứ tự 11 ngày 03/3/2023.

Tài sản thế chấp gồm: Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 294, tờ bản đồ số 26, diện tích 5.885,58m² tại lạc tại Quốc lộ A, Khóm B, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX 531856, số vào sổ cấp GCN số: CT 08579 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/9/2020. Chủ sở hữu: Công ty T4. Hợp đồng thế chấp tài sản được Ngân hàng đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật;

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 16/2023/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 03/3/2023 tại Phòng C tỉnh Cà Mau, số công chứng: 00812, quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C, quyển số 01/2023, số thứ tư 78 ngày 03/3/2023.

Tài sản thế chấp gồm: Cửa hàng xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 01, tờ bản đồ số 320, diện tích 3.128m² tọa lạc tại ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụngđất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 255053, số vào sổ cấp GCN số: CT 00836 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 02/11/2017, Chủ sở hữu: Công ty T4. Hợp đồng thế chấp tài sản được Ngân hàng đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật;

3. Hợp đồng bảo đảm số: 019/2019/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 18/3/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số: 099/2019/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 20/12/2019; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số: 152/2020/EIBTĐO-KHDN/TC (lần 2) ngày 21/12/2020, cụ thể: Tài sản bảo đảm: Tài khoản tiền gửi số 150060102000036 mở tại E, trị giá 13.000.000.000đồng;

4. Hợp đồng bảo đảm số: 005/2020/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 13/02/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số: 015/2021/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 23/02/2021, cụ thể: Tài sản bảo đảm: Tài khoản tiền gửi số 150060102000044 mở tại E, trị giá 7.000.000.000đồng (theo hợp đồng tiền gửi số 04/2020-DVKH ngày 13/02/2020);

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T4 đã thực hiện thủ tục giải chấp với Ngân hàng đối với các tài sản bảo đảm: Tài khoản tiền gửi số 150060102000036 mở tại E, trị giá 13.000.000.000đồng và Tài khoản tiền gửi số 150060102000044 mở tại E, trị giá 7.000.000.000đồng.

Hiện nay, Công ty T4 còn thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay còn nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X gồm các tài sản, cụ thể:

- Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 294, tờ bản đồ số 26, diện tích 5.885,58m² tọa lạc tại Q, Khóm B, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX 531856, số vào sổ cấp GCN: CT 08579 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/9/2020. Chủ sở hữu: Công ty T4;

- Cửa hàng xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 01, tờ bản đồ số 320, diện tích 3.128m² tọa lạc tại ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụngđất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 255053, số vào sổ cấp GCN: CT 00836 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 02/11/2017, Chủ sở hữu: Công ty T4.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 21/12/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 15/2023/EIBTDO-KHDN/TC ngày 03/3/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 16/2023/EIBTDO-KHDN/TC ngày 03/3/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002468, ngày 10/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002492, ngày 12/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002505, ngày 13/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002616 ngày 26/10/2023. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Ý kiến của Ngân hàng đối với Hợp đồng gửi hàng giữa Công ty T4 và Công ty T5:

Việc Công ty T4 cho Công ty T5 gửi hàng theo Hợp đồng gửi hàng số 01/HĐGH.GR.2023 ngày 06/7/2023 và Phụ lục Hợp đồng gửi hàng số 01/PLHĐGH.GR.2023 ngày 07/7/2023 thì Ngân hàng không nhận được thông báo

từ Công ty T4 và Công ty T5, Ngân hàng không biết và không đồng ý việc gửi hàng này.

Tuy nhiên, giữa Công ty T4 và Công ty T5 thỏa thuận: Trường hợp, Công ty T4 không trả được nợ cho Ngân hàng thì khi bản án có hiệu lực và có văn bản yêu cầu của Cơ quan thi hành án đối với tài sản bảo đảm thì Công ty Cổ phần T5 cam kết rút hết và di chuyển toàn bộ nhiên liệu xăng dầu đang gửi tại kho ra khỏi Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 294, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại Quốc lộ A, Khóm B, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để Công ty T4 đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho Ngân hàng; Ngân hàng đồng ý sự thỏa thuận này.

** Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật; người đại diện theo ủy quyền bị đơn Công ty T4 ông Nguyễn Hòa T2 trình bày:*

Bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty T4 thừa nhận có ký kết các hợp như nguyên đơn trình bày.

Tính đến ngày 26/02/2024 Công ty T4 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 23.574.488.107đồng (trong đó, nợ gốc là 22.720.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 305.512.260đồng, lãi quá hạn: 545.226.359đồng, lãi chậm trả 3.749.488đồng). Bị đơn Công ty T4 trong quá trình hoạt động kinh doanh không hiệu quả, gặp khó khăn, mất khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Công ty T4 đồng ý trả toàn bộ nợ gốc tính đến ngày 21/8/2024 là 22.658.088.000đồng và đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm toàn bộ số tiền nợ lãi cho bị đơn.

Hiện nay, Công ty T4 còn đăng ký thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X gồm các tài sản, cụ thể:

- Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 294, tờ bản đồ số 26, diện tích 5.885,58m² tọa lạc tại Quốc lộ A, Khóm B, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX 531856, số vào sổ cấp GCN: CT 08579 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/09/2020. Chủ sở hữu: Công ty T4;
- Cửa hàng xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 01, tờ bản đồ số 320, diện tích 3.128m² tọa lạc tại ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 255053, số vào sổ cấp GCN: CT 00836 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 02/11/2017, Chủ sở hữu: Công ty T4.

Tuy nhiên, trong thời gian thế chấp tài sản tại Ngân hàng, tình hình kinh doanh của Công ty T4 gặp nhiều khó khăn trong việc xoay vốn, phần lớn do chưa thu hồi được các khoản nợ của khách hàng. Do đó, Công ty chậm thanh toán tiền mua hàng cho Công ty T5 và dẫn đến hậu quả là Công ty T5 ngừng cung cấp hàng hóa cho Công ty T4. Để đảm bảo nguồn hàng cung cấp ra thị trường và duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty T4 nên giữa Công ty T4 và Công ty T5 có ký Hợp đồng gửi hàng số 01/HĐGH.GR.2023 ngày 06/7/2023 và Phụ lục Hợp đồng gửi hàng số 01/PLHĐGH.GR.2023 ngày 07/7/2023.

Vì vậy, Công ty T4 đã gửi các văn bản thông báo về việc chấm dứt hợp đồng gửi hàng số 01/HĐGH.GR.2023 và yêu cầu Công ty Cổ phần T5 bàn giao kho

trước thời hạn. Tuy nhiên, Công ty T5 không đồng ý việc chấm dứt hợp đồng gửi hàng và bàn giao kho theo đề nghị của Công ty T4.

Nay, Công ty T4 và Công ty T5 thống nhất thỏa thuận khi bản án có hiệu lực và có văn bản yêu cầu của Cơ quan thi hành án thì Công ty T5 cam kết rút hết và di chuyển toàn bộ nhiên liệu xăng dầu đang gửi tại kho ra khỏi Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất thửa số 294, tờ bản đồ số 26, diện tích 5.885,58m² tọa lạc tại Quốc lộ A, Khóm B, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với Ngân hàng. Do đó, Công ty T4 và Công ty T5 sẽ thực hiện đúng cam kết theo "Văn bản thỏa thuận ngày 21/8/2024" giữa Ngân hàng, Công ty T4 và Công ty Cổ phần T5.

** Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty T5 do ông Phạm Văn T1 trình bày:*

Công ty T4 và Công ty T5 ký kết Hợp đồng gửi hàng số 01/HĐGH.GR.2023 ngày 06/7/2023 và Phụ lục Hợp đồng gửi hàng số 01/PLHĐGH.GR.2023 ngày 07/7/2023. Khi ký kết hợp đồng thì Công ty T5 không biết việc Công ty T4 đang thế chấp tài sản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Nay, Công ty T4 và Công ty T5 thống nhất thỏa thuận khi bản án có hiệu lực và có văn bản yêu cầu của Cơ quan thi hành án thì Công ty T5 cam kết rút hết và di chuyển toàn bộ nhiên liệu xăng dầu đang gửi tại kho ra khỏi Kho xăng dầu và quyền sử dụng đất tại thửa số 294, tờ bản đồ số 26 tại số Q, Khóm B, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với Ngân hàng. Do đó, Công ty T5 sẽ thực hiện đúng cam kết theo "*Văn bản thỏa thuận ngày 21/8/2024*" giữa Ngân hàng, Công ty T4 và Công ty T5.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DSST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 68, 147, 157, 158, 186, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95, 96, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 8 NQ 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T4 có nghĩa vụ trả nguyên đơn Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là 25.429.282.419đồng (trong đó nợ gốc là 22.658.088.000đồng, nợ lãi trong hạn là 305.512.260đồng, lãi quá hạn là 2.444.857.465đồng, lãi phạt lãi là 20.824.694đồng).

Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng (lần 1) ngày 21/12/2023 (đối với Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023); kèm: Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002468, ngày 10/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002492, ngày 12/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002505, ngày 13/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002616 ngày 26/10/2023, từ ngày 18/9/2024 cho đến khi Công ty T4 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Trường hợp, Công ty Cổ phần T4 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 15/2023/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 03/3/2023, công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu, số công chứng: 380, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, quyển số 02/2023, số thứ tự 11 ngày 03/3/2023.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 16/2023/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 03/3/2023 tại Phòng C tỉnh Cà Mau, số công chứng: 00812, quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C, quyển số 01/2023, số thứ tự 78 ngày 03/3/2023.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử lý về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2024, bị đơn Công ty CP T4 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị đơn được miễn giảm 50% số tiền nợ lãi tương ứng với số tiền 1.385.597.210 đồng để bị đơn có thể sớm hoàn thành nghĩa vụ của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty CP T4 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm giảm 50% lãi suất tương ứng với số tiền 1.385.597.210 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X trình bày không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đồng ý miễn lãi phạt số tiền 20.824.694 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty CP T5 không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Kiểm sát viên trình bày nội dung, phân tích chứng cứ, căn cứ pháp luật và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi phạt số tiền 20.824.694 đồng bị đơn không phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty CP T4 còn trong hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

1. Vào ngày 06/3/2023, Ngân hàng TMCP X ký hợp đồng tín dụng với Công ty T4 theo hợp đồng số LAV230015115/1500, hạn mức là 44.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T4 9 khế ước nhận nợ với mức lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi quá hạn 10%/năm. Trong quá trình vay Công ty T4 đã trả cho ngân hàng đối với khoản nợ tại các khế ước nhận nợ 1500LDS230002411; khế ước 1500LDS230002408; khế ước 1500LDS230002425; khế ước 1500LDS230002435; khế ước 1500LDS230002451; khế ước 1500LDS230002468. Ngoài ra giữa Công ty T4 và Ngân hàng TMCP X ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng (lần 1) ngày 21/12/2023 thay đổi hạn mức cấp tín dụng tổng số tiền là 30.500.000.000 đồng và tài sản đảm bảo. Công ty T4 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số nợ gốc 14.312.997.600 đồng và lãi 460.540.575 đồng, Công ty T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP X khởi kiện và Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long xét xử buộc Công ty CP T4 trả nợ cho Ngân hàng TMCP X số tiền gốc 22.658.088.000 đồng, lãi trong hạn là 305.512.260 đồng, lãi quá hạn 2.444.857.465 đồng, lãi phạt là 20.824.694 đồng và xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ.

2. Xét kháng cáo của công ty CP T4 về việc giảm lãi 50% đại diện Ngân hàng TMCP X không đồng ý nên không chấp nhận kháng cáo của Công ty CP T4. Tuy nhiên số tiền phạt lãi là vi phạm khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 01/2021-NQ của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và đại diện ngân hàng đồng ý

giảm lãi phạt 20.824.694 đồng nên chấp nhận 1 phần kháng cáo của Công ty CP T4, sửa một phần bản án sơ thẩm.

3. Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm phần lãi 20.824.694 đồng nên điều chỉnh án phí sơ thẩm, Công Ty Cổ Phần T4 chịu án phí 133.229.000 đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty CP T4 không phải nộp án phí phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007248 ngày 26/9/2024 của Cho cục Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long sẽ được hoàn trả lại cho Công ty CP T4.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty CP T4, sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền phạt lãi.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 68, 147, 157, 158, 186, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95, 96, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 8 NQ 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T4 có nghĩa vụ trả nguyên đơn Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là 25.408.457.725 đồng (Hai mươi lăm tỷ bốn trăm lẻ tám triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng), (trong đó nợ gốc là 22.658.088.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 305.512.260 đồng, lãi quá hạn là 2.444.857.465 đồng).

Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng (lần 1) ngày 21/12/2023 (đối với Hợp đồng tín dụng số LAV230015115/1500 ngày 06/3/2023); kèm; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002468, ngày 10/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002492, ngày 12/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002505, ngày 13/10/2023; Khế ước nhận nợ số 1500LDS230002616 ngày 26/10/2023, từ ngày 18/9/2024 cho đến khi Công ty T4 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Trường hợp, Công ty Cổ phần T4 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 15/2023/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 03/3/2023, công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu, số công chứng: 380, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, quyển số 02/2023, số thứ tự 11 ngày 03/3/2023.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 16/2023/EIBTĐO-KHDN/TC ngày 03/3/2023 tại Phòng C tỉnh Cà Mau, số công chứng: 00812, quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C, quyển số 01/2023, số thứ tự 78 ngày 03/3/2023.

2. Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm phần lãi 20.824.694 đồng nên điều chỉnh án phí sơ thẩm, Công Ty CP T4 chịu án phí sơ thẩm là 133.229.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

3. Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty CP T4 không phải nộp án phí phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007248 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long sẽ được hoàn trả lại cho Công ty CP T4 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- TAND TPVL 01;
- THADS TPVL 01;
- Các ĐS 07;
- HCTP 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 03.

Nguyễn Thành Đăng